TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Luân

2. Ông Võ Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A** sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn X** sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị A trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn X chung sống với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/8/1994. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh X không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về gây sự với vợ con, hạnh phúc gia đình dần dần rạn nứt nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Phi Th sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Cẩm N sinh năm 1994. Hiện 02 con đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

* Bị đơn là Huỳnh Văn X đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Huỳnh Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị A vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị A và anh X.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ: "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Huỳnh Văn X chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/1994, quyển số 01/1994 ngày 03/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị A cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về gây sự với vợ con, hạnh phúc gia đình dần dần rạn nứt nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Thời gian vợ chồng chị A, anh X sống ly thân đến nay đã lâu và anh X không đến Tòa án, không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh X là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở, phù hợp với Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị A được ly hôn anh X.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Phi Th sinh năm 1992 và Huỳnh Thị Cẩm N sinh năm 1994. Hiện 02 con đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Huỳnh Văn X.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 0003374 ngày 05/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị A đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Nguyễn Thị A và anh Huỳnh Văn X được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Q, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi